

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ MINH THÀNH PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ MINH THÀNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH THANH PHAT INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINH THANH PHAT CO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108275659

3. Ngày thành lập: 16/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 638 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
3.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
4.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
5.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
6.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
7.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
8.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
9.	Sản xuất xe có động cơ	2910
10.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
11.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
12.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
13.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
14.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
15.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
16.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
17.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
18.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

19.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hoá cảng hàng không)	5224
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa	5229
21.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
22.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm: Quầy bar)	5610
23.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) (Không bao gồm: Quầy bar)	5621
24.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng.	6201
25.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
26.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
27.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không bao gồm đấu giá tài sản)	6820
28.	Quảng cáo	7310
29.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
30.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê xe ô tô	7710
31.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
32.	Hoạt động tư vấn quản lý không bao gồm tư vấn Luật, hoạt động của Công ty Luật, hoạt động của Văn phòng Luật sư, tư vấn kế toán, tài chính, thuế, chứng khoán và các hoạt động tư vấn khác theo quy định của pháp luật cấm hoặc hạn chế kinh doanh	7020
33.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
34.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
35.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
36.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
37.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
38.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
39.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
40.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

41.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
42.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
43.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
44.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
45.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
46.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh.	8299
48.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
49.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng(kể cả máy vi tính)	7730
50.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
51.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
52.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
53.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
54.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
55.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
56.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
57.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
58.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
59.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: - Sản xuất giường, tủ bàn ghế, bằng gỗ. - Sản xuất giường, tủ bàn ghế, bằng vật liệu khác	3100
60.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
61.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
62.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
63.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
64.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
65.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
66.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

67.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
68.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
69.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
70.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
71.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
72.	Thu gom rác thải độc hại	3812
73.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
74.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
75.	Xây dựng công trình công ích	4220
76.	Phá dỡ	4311
77.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
78.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước - Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4322
79.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, chống ẩm các toà nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ toà nhà; Dỡ ống khói và các nồi hơi công nghiệp.	4390
80.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
81.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
82.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
83.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
84.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512

85.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con loại 12 chỗ ngồi trở xuống; đại lý xe có động cơ khác (không bao gồm đầu giá tài sản).	4513
86.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	4520
87.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ (không bao gồm đầu giá tài sản). - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). (không bao gồm đầu giá tài sản).	4530
88.	Bán mô tô, xe máy	4541
89.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
90.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
91.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
92.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
93.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
94.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện(máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng(trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
95.	Đại lý, môi giới, đầu giá Chi tiết: Đại lý (không bao gồm đầu giá tài sản)	4610
96.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
97.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
98.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

99.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Điều 7 nghị định 102/2016 ND-CP ngày 1/7/2016)	4772
100.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
101.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
102.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm đấu giá tài sản).	4791
103.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
104.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
105.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch; Hoạt động của cáp treo, đường sắt trên núi.	4932
106.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
108.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
109.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất bao bì từ plastic - Sản xuất sản phẩm khác từ plastic	2220
110.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
111.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
112.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
113.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
114.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
115.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
116.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
117.	In ấn	1811
118.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
119.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
120.	Đúc sắt, thép	2431
121.	Đúc kim loại màu	2432
122.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
123.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
124.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
125.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
126.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

127.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
128.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599

6. Vốn điều lệ: 4.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 480.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HOÀI NAM	Số 28, ngõ 7 Thái Thịnh, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	244.800	2.448.000.000	51,000	001085000804	
			Tổng số	244.800	2.448.000.000	51,000		
2	LÊ TRỌNG HIẾU	Số 8/29/39 Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	117.600	1.176.000.000	24,500	012398738	
			Tổng số	117.600	1.176.000.000	24,500		
3	NGUYỄN TIỀN DŨNG	Số 16 ngõ 226 Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	117.600	1.176.000.000	24,500	001085014134	
			Tổng số	117.600	1.176.000.000	24,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 25/12/1984

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012398738

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8/29/39 Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 8/29/39 Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội